TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HS-ST
Ngày 03 - 12 - 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Văn Tươi.

Ông Nguyễn Xuân Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Thật - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2024/TLST-HS, ngày 21 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/HSST-QĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn H, sinh ngày 25/4/1993; nơi cư trú: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh C; nghề nghiệp: Nhân viên giao nhận hàng hóa (Công ty cổ phần C tại tỉnh C); trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Võ Thị L; Tiền án; Tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 08/5/2024 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Công ty Cổ phần C.

Địa chỉ: Tòa nhà XX, số Z đường P, phường M, quận N, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hồng Q - Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Hồng T, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm Q, phường W, thành phố C, tỉnh C.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Mỹ A, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã V, huyện N, tỉnh C.

- Bà Nguyễn Thị Quyền T, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm C, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

- Ông Lê Chí L, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã V, huyện N, tỉnh C.

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã V, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 22/8/2022, Công ty Cổ phần C (sau đây gọi tắt là Công ty C) có ký hợp đồng với bà Lê Hồng T thực hiện nhiệm vụ theo dõi vận hành tại các kho vận hành trong khu vực tỉnh (trong đó có huyện N) và ký hợp đồng với Lê Văn H thực hiện nhiệm vụ giao, nhận hàng theo chỉ dẫn của người quản lý Công ty. Vào ngày 07/02/2024, bà Lê Hồng T là người đại diện của Công ty C tại Khóm A, thị trấn R huyện N, tỉnh C tố giác ông Lê Văn H là nhân viên giao hàng của công ty chiếm đoạt tiền đã giao 54 đơn hàng với số tiền 156.925.500 đồng từ ngày 18/01/2024 đến 06/02/2024. Cụ thể:

1. Vào ngày 19/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1209943976, với số tiền 3.150.000 đồng của khách hàng (N) Dương Ngọc H địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

2. Vào ngày 19/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1640235131, với số tiền 2.900.000 đồng của khách hàng Dương Ngọc H địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

3. Vào ngày 22/01/2024; Đơn hàng có mã đơn 1142381844, với số tiền 2.370.000 đồng của khách hàng Dương Ngọc H địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

4. Vào ngày 24/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1036835530, với số tiền 2.055.000 đồng của khách hàng Dương Ngọc H địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C

5. Vào ngày 24/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1090188589, với số tiền 1.460.000 đồng của khách hàng Dương Ngọc H địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

6. Vào ngày 24/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1988187197, với số tiền 2.060.000 đồng của khách hàng Dương Ngọc H địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

7. Vào ngày 24/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1901671664, với số tiền 2.334.000 đồng của khách hàng (A) tên Đoàn Ngọc Quỳnh T địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

8. Vào ngày 25/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1097820264 với số tiền 3.700.000 đồng của khách hàng (K) tên Trần Thị K địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

9. Vào ngày 25/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1467883547, với số tiền 1.559.000 đồng của khách hàng (A) tên Đoàn Ngọc Quỳnh T địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

10. Vào ngày 26/01/2024: Đơn hàng số 47 có mã đơn 1660477523, với số tiền 1.000.0000 đồng của khách hàng tên Hoàng Văn T địa chỉ ấp T, xã V, huyện N, tỉnh C.

11. Vào ngày 27/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1979993598, với số tiền 3.000.000 đồng của khách hàng tên Hoàng Văn T địa chỉ ấp T, xã V, huyện N, tỉnh C.

12. Vào ngày 27/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1738419136, với số tiền 3.500.000 đồng của khách hàng tên Hoàng Văn T địa chỉ ấp T, xã V, huyện N, tỉnh C.

13. Vào ngày 27/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1081758100, với số tiền 3.500.000 đồng của khách hàng tên Hoàng Văn T địa chỉ ấp T, xã V, huyện N, tỉnh C.

14. Vào ngày 27/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1965332569 với số tiền 2.760.000 đồng của khách hàng (Trần T) tên Trần Thị Thuỳ T địa chỉ khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

15. Vào ngày 27/01/2024: Đơn hàng số 14 có mã đơn 1558648975 với số tiền 2.450.000 đồng của khách hàng (Loan K) tên Lê Thị L địa chỉ địa chỉ khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

16. Vào ngày 28/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1877190900, với số tiền 2.400.000 đồng của khách hàng tên Quốc T địa chỉ ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C.

17. Vào ngày 28/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1100392166, với số tiền 3.278.000 đồng của khách hàng (Thảo N) tên Lê Thị N địa chỉ ấp V, xã T, huyện N, tỉnh C.

18. Vào ngày 28/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1947307154, với số tiền 2.000.000 đồng của khách hàng (A) tên Đoàn Ngọc Quỳnh T địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

19. Vào ngày 28/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1765953956 với số tiền 3.025.000 đồng của khách hàng (N) tên Dương Ngọc H địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

20. Vào ngày 28/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1923858518 với số tiền 4.277.000 đồng của khách hàng (N) tên Dương Ngọc H địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

21. Vào ngày 28/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1833486931 với số tiền 2.055.000 đồng của khách hàng Lữ Thảo N địa chỉ khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

22. Vào ngày 29/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1768869558 với số tiền 2.090.000 đồng của khách hàng (N) tên Dương Ngọc H địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

23. Vào ngày 29/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1626697197 với số tiền 1.455.000 đồng của khách hàng Dương Ngọc T địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

24. Vào ngày 29/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1125113608 với số tiền 2.700.000 đồng của khách hàng (Thanh G) tên Huỳnh Hữu M địa chỉ ấp V, xã T, huyện N, tỉnh C.

25. Vào ngày 29/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1518263455 với số tiền 1.967.000 đồng của khách hàng tên Đoàn Ngọc Quỳnh T địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

26. Vào ngày 30/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1804632802, với số tiền 10.451.000 đồng của khách hàng Đỗ Chí N địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

27. Vào ngày 30/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1026071741, với số tiền 5.000.000 đồng của khách hàng Nguyễn Hoàng A địa chỉ ấp O, xã T, huyện N, tỉnh C.

28. Vào ngày 30/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1213094597 với số tiền 3.860.000 đồng của khách hàng Từ Huỳnh T địa chỉ khóm C, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

29. Vào ngày 31/01/2024: Đơn hàng có mã đơn 1477049487, với số tiền 2.285.000 đồng của khách hàng Nguyễn Thị Ngọc H địa chỉ ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

30. Vào ngày 01/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1005685831, với số tiền 3.541.000 đồng của khách hàng Lê Vũ S địa chỉ ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

31. Vào ngày 01/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1914077036 với số tiền 3.090.000 đồng của khách hàng Dương Ngọc H địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

32. Vào ngày 01/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1772116681 với số tiền 1.040.000 đồng của khách hàng Lâm Thanh N địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

33. Vào ngày 01/02/2024; Đơn hàng có mã đơn 1982729503 với số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) của khách hàng Võ Hoàng A địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

34. Vào ngày 01/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1597040557 với số tiền 2.300.000 đồng của khách hàng Lê Tuyết K địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

35. Vào ngày 01/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1195099837 với số tiền 3.000.000 đồng của khách hàng Huỳnh Minh H địa chỉ khóm C, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

36. Vào ngày 01/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1799586336 với số tiền 2.252.500 đồng của khách hàng Đinh Việt Đ địa chỉ khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

37. Vào ngày 01/02/2024: Đơn hàng số 07 có mã đơn 1054172698 với số tiền 2.425.000 đồng của khách hàng (Quầy thuốc V) Trần Quốc H địa chỉ khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

38. Vào ngày 02/02/2024: Đơn hàng có mã đơn hàng 1143843898, với số tiền 1.953.000 đồng của khách hàng Tạ Hồng X địa chỉ ấp V, xã T, huyện N, tỉnh C.

39. Vào ngày 02/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1184429781 với số tiền 2.280.000 đồng của khách hàng Dương Ngọc H địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

40. Vào ngày 02/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1920517025 với số tiền 1.855.000 đồng của khách hàng Dương Ngọc H địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

41. Vào ngày 02/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1700255894 với số tiền 2.560.000 đồng Từ Huỳnh T địa chỉ khóm C, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

42. Vào ngày 02/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1125423850 với số tiền 3.100.000 đồng của khách hàng Trần Ngọc T địa chỉ khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

43. Vào ngày 03/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1761864308 với số tiền 4.360.000 đồng của khách hàng Dương Ngọc H địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

44. Vào ngày 03/02/2024: Đơn hàng số 20 có mã đơn 130367829 với số tiền 1.770.000 đồng của khách hàng Dương Ngọc H địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

45. Vào ngày 03/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1567884326 với số tiền 1.770.000 đồng của khách hàng Dương Ngọc H địa chỉ ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

46. Vào ngày 03/02/2024: Đơn hàng có mã đơn hàng 1802456260 với số tiền 2.900.000 đồng của khách hàng Nguyễn Việt C địa chỉ ấp V, xã T, huyện N, tỉnh C.

47. Vào ngày 03/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1713843203 với số tiền 3.456.000 đồng của khách hàng Lê Thị Kim T địa chỉ khóm A1, thị trấn R, huyện N tỉnh C.

48. Vào ngày 04/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1977391354, với số tiền 1.276.000 đồng của khách hàng (N) Lâm Thị N địa chỉ khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

49. Vào ngày 04/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1728327349 với số tiền 1.942.000 đồng của khách hàng Tiết Duy Đ địa chỉ khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

50. Vào ngày 04/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1334678233 với số tiền 2.199.000 đồng của khách hàng (K) Phan Tùng L địa chỉ khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

51. Vào ngày 04/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1706879012 với tiền 2.100.000 đồng của khách hàng Nguyễn Kiều G địa chỉ khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

52. Vào ngày 05/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1687827409 với số tiền 8.200.000 đồng của khách hàng (M) Vũ Thị A địa chỉ khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

53. Vào ngày 05/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1206009163 với số tiền 3.145.000 đồng của khách hàng (Vũ Thị A) Vũ Thị A1 địa chỉ khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

54. Vào ngày 06/02/2024: Đơn hàng có mã đơn 1226739778, với số tiền 3.770.000 đồng của khách hàng Lâm Mỹ Q địa chỉ khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Lê Văn H tiếp tục bồi thường số tiền chiếm đoạt cho Công ty cổ phần giao hàng tiết kiệm số tiền còn lại là 136.925.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người tham gia tố tụng nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; lời khai của bị hại; lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận:

Năm 2013, Công ty cổ phần C (gọi tắc là Công ty C) được thành lập, có trụ sở chính: Toà nhà XXX, số C, đường P, Phường M, Quận N, thành phố H. Đến năm 2020, Công ty C đăng ký địa điểm kinh doanh số ZZ - Chi nhánh Công ty C tại tỉnh C đóng trên địa bàn Khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh C. Ngày 28/02/2022, Lê Văn H được Công ty C tuyển dụng vào làm việc với chức danh chuyên môn là COD (nhân viên giao hàng tiết kiệm), công việc chính là giao, nhận hàng hoá theo chỉ dẫn của người quản lý Công ty hoặc theo chỉ định theo phương tiện liên lạc được chỉ định, hướng dẫn của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn như email (thư điện tử), phần mềm điện thoại, thông báo trên sàn thương mại điện tử, điện thoại; thu hộ tiền từ khách hàng và nộp đầy đủ tiền thu hộ cho Công ty (nếu có); cập nhật và bàn giao kết quả thực hiện dịch vụ theo đúng yêu cầu cho Công ty. Đến ngày 21/10/2023, Lê Văn H được ký kết hợp đồng lao động chính thức với Công ty C với chức danh chuyên môn là COD (nhân viên giao hàng tiết kiệm). Ngày 07/02/2024, bà Lê Hồng T là Quản lý kho (Key Person) thuộc Công ty C, nhận được thông tin từ nhân viên thủ kho Lê Mỹ A cư trú ấp K, xã V, huyện N, tỉnh C, tại địa điểm kinh doanh số ZZ (Chi nhánh Công ty C tại tỉnh C đóng trên địa bàn khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh C) báo cáo về việc Lê Văn H không nộp lại tiền thu hộ của khách hàng cho Công ty theo quy định, với số lượng là 54 đơn hàng, tổng số tiền chiếm đoạt là 156.925.500 đồng nên bà Lê Hồng T làm đơn tố giác.

Qua quá trình điều tra xác định Lê Văn H đã có hành vi lợi dụng, chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý bằng hình thức là khi Lê Văn H giao được đơn hàng cho khách thì nhận số tiền thu hộ từ khách rồi nói *"nếu có ai gọi điện thì trả lời là chưa nhận được hàng dùm".* Sau đó, Lê Văn H lấy sim điện thoại khuyến mãi (không nhớ số) không có tiền trong tài khoản gọi vào số điện thoại của khách hàng để trên hệ thống app C,Co của Công ty C hiển thị lên cuộc gọi nhỡ, có gọi cho khách hàng để giao đơn hàng nhưng không liên hệ được và hẹn lại (delay) ngày

khác giao hàng. Đồng thời, Hậu còn làm giả các mã đơn hàng (in đơn hàng cũ trên hệ thống app C,Co) hoặc xin các mã các đơn hàng đã giao cho khách rồi đem về dán đè lên đơn hàng mới chưa giao được cho khách và Hậu báo lại cho quản lý kho là chưa giao được hàng. Qua ngày sau, Lê Văn H nhận thêm đơn hàng cũ và mới để tiếp tục công việc đi giao hàng cho khách thì Hậu tháo mã đơn đã dán đè lên mã đơn hàng hôm trước ném bỏ. Hậu đã thực hiện việc chiếm đoạt tiền của Công ty C từ ngày 18/01/2024 đến ngày 06/02/2024, tổng số tiền là 156.925.500 đồng. Do không có khả năng hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt của Công ty C nên đến ngày 06/02/2024, Công ty kiểm tra, quyết toán các đơn hàng thì phát hiện Lê Văn H đã chiếm đoạt 54 đơn hàng, đã thu hộ tiền từ các khách hàng, với tổng số tiền là 156.925.500 đồng, kể từ ngày 18/01/2024 đến ngày 06/02/2024 để chi xài cá nhân. Hành vi của bị cáo Lê Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra, bị cáo thừa nhận có thực hiện hành vi như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, phù hợp với kết luận định giá tài sản và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thì hành vi của bị cáo Lê Văn H đã phạm vào tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số: 45/CT-VKS, ngày 21/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển truy tố đối với bị cáo Lê Văn H là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của tổ chức thành tài sản riêng của mình. Xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị trật tự an toàn xã hội của địa phương.

Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã đủ 18 tuổi, hoạt động nhận thức bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn có tiền để tiêu sài mà không phải lao động chân chính nên đã chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật. Hậu quả xảy ra cũng là xuất phát từ hành vi, ý chí mong muốn của bị cáo. Bị cáo phải chịu trách nhiệm do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[3]. Xét tính chất vụ án: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm những quan hệ xã hội liên quan đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp; làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hành vi tham ô đã tác động đến tài sản mà bị cáo có trách nhiệm quản lý trong doanh nghiệp. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, các tội phạm

tham nhũng làm mất lòng tin của quần chúng nhân dân đối với cơ quan, tổ chức. Do đó cần phải xử lý nghiêm để đảm bảo giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về tình tiết định khung tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội chiếm đoạt có giá trị lớn, cụ thể trong vụ án này bị cáo chiếm đoạt số tiền là 156.925.500 đồng. Ngoài ra, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên (cụ thể trong vụ án này vi phạm 54 lần) theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Lê Văn H bị phát hiện thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty C. Sau khi bị phát hiện, Hậu đã tự xác định trong thời gian làm nhiệm vụ bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trước đó và thủ đoạn của những lần chiếm đoạt tổng số tiền 156.925.500 đồng của Công ty C để chi xài cá nhân, điều đó thể hiện bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền trong việc làm sáng tỏ vụ án kịp thời, nhanh chóng.

Bị cáo vì có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã chủ động bồi thường một phần thiệt hại do mình gây ra với số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo có nhiều người thân tham gia cống hiến cho Cách mạng được tặng thưởng nhiều huân, huy chương. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, từ trước đến nay chưa vi phạm pháp luật, không có tiền án, tiền sự.

Xét bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ nêu trên tuy nhiên cũng cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn để đủ giáo dục và phòng ngừa thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là nhân viên giao hàng tiết kiệm, trước khi thực hiện hành vi bị cáo không có làm công việc khác thu nhập không ổn định, sau bị bắt tạm giam bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về các hành vi khác:

Đối với hành vi bị cáo làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không đề cập xử lý.

Đối với bà Lê Mỹ A và bà Nguyễn Thị Quyền T là nhân viên quản lý kho hàng của Công ty. Bà Lê Mỹ A và bà Nguyễn Thị Quyền T không có hứa hẹn, giúp sức hoặc vụ lợi gì với Lê Văn H và cũng không biết việc Lê Văn H có hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty C. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý đối với bà Lê Mỹ A và

bà Nguyễn Thị Quyền T. Hiện tại, bà Lê Mỹ A và bà Nguyễn Thị Quyền T đã được Công ty C cho nghỉ việc nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với Nguyễn Tuấn K có nhận số tiền 100.000.000 đồng do Lê Văn H trả nhưng K không biết nguồn gốc số tiền từ đâu mà có nên không xem xét xử lý xét thấy là phù hợp.

Đối với Nguyễn Chí L là người đứng tên mua xe dùm cho Lê Văn H, Nguyễn Chí L không biết nguồn gốc số tiền từ đâu mà có và đã giao xe trả cho H nên không đề cập xử lý.

[7]. Qua phân tích và nhận định như trên, cho thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự và xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan đến vụ án có căn cứ để chấp nhận.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với số tiền bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại là 136.925.500 đồng thì phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 cùng của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn H phạm tội "Tham ô tài sản". Phạt bị cáo Lê Văn H 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 5 năm 2024.

2. Áp dụng các điều 585 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Văn H bồi thường cho Công ty Cổ phần C với số tiền 136.925.500 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23, điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 cùng của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bị cáo Lê Văn H phải chịu 6.846.275 đồng (sáu triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục thi hành án huyện Ngọc Hiển;
- Bị cáo; Người TGTT;
- Công an huyện Ngọc Hiển;
- Nhà tạm giữ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước